

Biểu số: 28/STNMT

Ban hành kèm theo Thông tư số
20/2018/TT-BTNMT ngày 08/11/2018
của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02 năm
sau

**HÀM LƯỢNG CÁC CHẤT TRONG MÔI TRƯỜNG NƯỚC
BIỂN**

TẠI KHU VỰC VÙNG BIỂN GẦN BỜ

Năm.....

Đơn vị báo cáo: Sở Tài
nguyên và Môi trường
tỉnh, thành phố ...

Đơn vị nhận báo cáo:
- Vụ Kế hoạch - Tài
chính;
- Tổng cục Môi trường

STT	Trạm/điểm quan trắc	Mã số	Tọa độ		pH	Chì (µg/l)	Cadimi (µg/l)	Tổng crôm (µg/l)	Thủy ngân (µg/l)	Asen (µg/l)	Xyanua (µg/l)	Tổng dầu, mỡ khoáng (µg/l)
			Kinh độ	Vĩ độ								
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Trạm/điểm quan trắc X											
2	Trạm/điểm quan trắc Y											
	...											

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 28/STNMT. Hàm lượng các chất trong môi trường nước biển tại khu vực vùng biển gần bờ

1. Phạm vi thống kê

Thống kê số liệu quan trắc hàm lượng các chất: pH, kim loại nặng (Pb, Cd, Cr, Hg, As, CN^-), tổng dầu mỡ khoáng trong môi trường nước biển tại khu vực vùng biển gần bờ trong năm tại các trạm/điểm quan trắc trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Cách ghi biểu

Cột B: ghi tên các trạm/điểm quan trắc;

Cột C: ghi mã số các trạm/điểm quan trắc;

Cột D, E: ghi tọa độ các trạm/điểm quan trắc (kinh độ, vĩ độ);

Cột 1 đến cột 8: ghi giá trị trung bình của các đợt quan trắc trong năm của mỗi chất pH, Pb, Cd, Cr, Hg, As, CN^- , tổng dầu mỡ khoáng tương ứng với mỗi trạm/điểm quan trắc ghi ở cột B.

3. Nguồn số liệu

- Số liệu quan trắc, báo cáo tại các trạm/điểm quan trắc của các Bộ, ngành và địa phương;
- Các chương trình quan trắc chuyên đề, chương trình quan trắc của các Bộ, ngành, địa phương.